



Công ty Cổ phần Nam Việt

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2007**

Công ty Cổ phần Nam Việt
Thông tin về Công ty

**Giấy chứng nhận
đăng ký Kinh doanh**

5203000050

ngày 2 tháng 10 năm 2006
và điều chỉnh ngày 5 tháng 10 năm 2006
và ngày 1 tháng 8 năm 2007

Hội đồng Quản trị

Ông Doãn Tới
Ông Doãn Chí Thanh
Ông Nguyễn Duy Nhất
Ông Đỗ Lập Nghiệp
Ông Đặng Văn Điền
Ông Nguyễn Thừa Bữu
Ông Doãn Quốc Xã

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Doãn Tới
Bà Dương Thị Kim Hương
Ông Nguyễn Duy Nhất
Ông Nguyễn Thừa Bữu
Ông Đỗ Lập Nghiệp
Ông Đặng Văn Điền
Ông Doãn Quốc Xã
Ông Doãn Văn Nho

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chính
Giám đốc Kỹ thuật
Giám đốc Điều hành
Giám đốc Kinh doanh
Giám đốc Cơ khí
Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

19D Trần Hưng Đạo
Phường Mỹ Quý
Tỉnh An Giang
Việt Nam

Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các cổ đông
Công ty Cổ phần Nam Việt và các công ty con

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Nam Việt ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi là "Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất liên quan, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được trình bày từ trang 3 đến trang 36. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính của Tập đoàn cho giai đoạn từ ngày thành lập 2 tháng 10 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2006 chưa được kiểm toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế được chấp thuận tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quan của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam.

KPMG Limited

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Giấy phép đầu tư số: 863/GP

Báo cáo kiểm toán số: 07-01-160



Chông Kwang Puay
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2008



Hà Vũ Định
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0414/KTV

Công ty Cổ phần Nam Việt

Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2007

	Mã số	Thuyết minh	2007 VND'000	2006 VND'000
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		1.657.433.508	920.577.186
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	266.442.925	85.916.204
Tiền	111		266.442.925	85.916.204
Các khoản phải thu – ngắn hạn	130	4	1.118.457.833	625.429.258
Khoản phải thu – thương mại	131		344.848.160	420.301.450
Trả trước cho người bán	132		28.850.722	9.168.163
Phải thu nội bộ	133		743.769.761	186.131.637
Phải thu khác	135		10.137.057	15.148.540
Dự phòng phải thu nợ khó đòi	139		(9.147.867)	(5.320.532)
Hàng tồn kho	140	5	231.499.493	196.905.352
Hàng tồn kho	141		231.499.493	196.905.352
Tài sản ngắn hạn khác	150		41.033.257	12.326.372
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.310.192	673
Tài sản ngắn hạn khác	158	6	28.723.065	12.325.699
Tài sản dài hạn	200		686.538.895	184.943.928
Tài sản cố định	220		482.804.397	159.220.305
Tài sản cố định hữu hình	221	7	113.048.417	119.781.078
Nguyên giá	222		199.596.444	178.432.993
Khấu hao lũy kế	223		(86.548.027)	(58.651.915)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	8	-	22.015.857
Nguyên giá	225		-	24.503.673
Khấu hao lũy kế	226		-	(2.487.816)
Tài sản cố định vô hình	227	9	16.242.606	11.981.697
Nguyên giá	228		16.332.506	12.105.017
Phân bổ lũy kế	229		(89.900)	(123.320)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	353.513.374	5.441.673
Đầu tư dài hạn	250	11	178.410.000	10.000
Đầu tư dài hạn khác	258		178.410.000	10.000
Tài sản dài hạn khác	260		25.324.498	25.713.623
Tài sản thuế hoãn lại	262	12	1.807.596	1.160.637
Tài sản dài hạn khác	268		23.516.902	24.552.986
TỔNG TÀI SẢN	270		2.343.972.403	1.105.521.114


Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 36 là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nam Việt

Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		651.568.743	375.603.728
Nợ ngắn hạn	310		551.561.769	319.375.353
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	117.664.000	187.683.761
Phải trả người bán	312		58.180.036	90.449.942
Tạm ứng từ khách hàng	313		3.966.770	2.556.502
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	14	26.213.874	3.751.475
Phải trả người lao động	315		7.284.018	7.226.036
Chi phí phải trả	316	15	8.640.916	6.000.000
Phải trả nội bộ	317	16	242.997.395	10.326.049
Phải trả khác	319	17	86.614.760	11.381.588
Vay và nợ dài hạn	330		100.006.974	56.228.375
Vay và nợ dài hạn	334	19	99.719.803	55.942.532
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	18	287.171	285.843
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.692.403.660	729.917.386
Vốn chủ sở hữu	410		1.683.764.738	729.527.864
Vốn cổ phần	411	20	660.000.000	600.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		611.965.459	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		1.130.471	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		410.668.808	129.527.864
Quỹ khác	430		8.638.922	389.522
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		8.638.922	389.522
TỔNG NGUỒN VỐN	440		2.343.972.403	1.105.521.114

Người lập:


Doãn Văn Nho
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Doãn Tài
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2008

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 36 là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nam Việt

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2007**

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007 VNĐ'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VNĐ'000
Tổng doanh thu	01	30	3.200.352.091	918.746.645
Các khoản giảm trừ	02	30	(6.914.825)	(12.602.927)
Doanh thu thuần	10		3.193.437.266	906.143.718
Giá vốn hàng bán	11	30	(2.482.976.103)	(693.100.704)
Lợi nhuận gộp	20		710.461.163	213.043.014
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	64.769.470	5.162.337
Chi phí hoạt động tài chính	22	22	(41.518.466)	(5.787.182)
Chi phí bán hàng	24		(276.741.703)	(76.759.581)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(44.885.364)	(10.035.481)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		412.085.100	125.623.107
Kết quả của các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31	23	21.134.295	48.428.208
Chi phí khác	32	24	(16.647.392)	(45.194.088)
Lợi nhuận trước thuế	50		416.572.003	128.857.227
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	51	25	(46.878.018)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hoãn lại	52	25	646.959	1.160.637
Lợi nhuận thuần sau thuế	60		370.340.944	130.017.864
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	70	26	VNĐ5.953	VNĐ2.167

Người lập:

Doãn Văn Nho
Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 3 năm 2008

Người duyệt:

Doãn Tấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 36 là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nam Việt

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

	Vốn cổ phần VND'000	Thặng dư vốn cổ phần VND'000	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND'000	Quỹ khen thưởng và phúc lợi VND'000	Lợi nhuận chưa phân phối VND'000	Tổng cộng VND'000
Số dư ngày 2 tháng 10 năm 2006	-	-	-	-	-	-
Chuyển từ công ty TNHH	509.500.000	-	-	392.488	-	509.892.488
Cổ phiếu đã phát hành	90.500.000	-	-	-	-	90.500.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	130.017.864	130.017.864
Chuyển sang quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	490.000	(490.000)	-
Trả trong kỳ	-	-	-	(492.966)	-	(492.966)
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2007	600.000.000	-	-	389.522	129.527.864	729.917.386
Vốn cổ phần đã phát hành	60.000.000	-	-	-	-	60.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	611.965.459	-	-	-	611.965.459
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	370.340.944	370.340.944
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-	1.130.471	-	-	1.130.471
Chuyển sang quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	10.000.000	(10.000.000)	-
Cổ tức phải trả	-	-	-	-	(79.200.000)	(79.200.000)
Trả trong năm	-	-	-	(1.750.600)	-	(1.750.600)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2007	660.000.000	611.965.459	1.130.471	8.638.922	410.668.808	1.692.403.660

Người lập:

Người duyệt:

Doãn Văn Nho

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 3 năm 2008

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 36 là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nam Việt

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

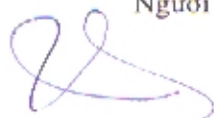
	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007 VND'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VND'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		416.572.003	128.857.227
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		29.552.102	7.896.509
Dự phòng	03		3.827.335	2.661.674
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	05		(337.089)	(1.560.807)
Chi phí lãi vay	06		22.534.758	4.229.938
Thu nhập lãi tiền gửi	07		(55.161.542)	(2.518.957)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		416.987.567	139.565.584
Tăng các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(277.073.606)	(83.393.970)
Tăng hàng tồn kho	10		(34.594.141)	(71.048.127)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả và nợ khác	11		186.617.479	(77.277.736)
			291.937.299	(92.154.249)
Chi phí lãi vay đã trả	13		(22.534.758)	(4.229.938)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(24.150.914)	-
Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động kinh doanh	20		245.251.627	(96.384.187)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(366.782.278)	(19.394.532)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		13.983.173	46.720.780
Giảm/(tăng) tài sản dài hạn khác	23		1.036.084	(302)
Tăng đầu tư dài hạn	24		(178.400.000)	-
Thu từ lãi tiền gửi	27		55.161.542	2.518.957
Khoản vay cho các bên liên quan	28		(1.503.179.077)	-
Khoản vay được hoàn lại	29		1.254.689.888	-
Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động đầu tư	30		(723.490.668)	29.844.903

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 36 là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nam Việt**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007
(tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007 VNĐ'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VNĐ'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Thu từ vốn vốn	31		671.965.459	90.500.000
Thu từ vay ngắn và dài hạn	33		1.498.463.092	66.200.369
Chi trả nợ gốc và nợ thuê tài chính	34		(1.511.140.537)	(23.121.269)
Tiền thuần thu từ hoạt động tài chính	40		659.288.014	133.579.100
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		181.048.973	67.039.816
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		85.916.204	-
Tiền mặt chuyển từ công ty TNHH	61		-	18.876.388
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	62		(522.252)	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	3	266.442.925	85.916.204

Người lập:

Doãn Văn Nho
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Doãn Tới
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2008

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 36 là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nam Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết ngày 31 tháng 12 năm 2007

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Hoạt động chính

Công ty Cổ phần Nam Việt (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam với hoạt động chính là xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông và thủy lợi; nuôi cá, sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; sản xuất bao bì giấy, in bao bì các loại, sản xuất dầu bio-diesel; chế biến dầu cá và bột cá; sản xuất keo gentaline và glycerine theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000050 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 2 tháng 10 năm 2006 và được điều chỉnh vào ngày 5 tháng 10 năm 2006 và ngày 1 tháng 8 năm 2007 (sau đây được gọi là “Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh”).

Công ty được thành lập từ việc chuyển thể Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Nam Việt, một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam thành công ty cổ phần vào ngày 2 tháng 10 năm 2006. Tất cả tài sản và các khoản nợ phải trả của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nam Việt được chuyển giao sang Công ty theo giá trị ghi sổ tại ngày chuyển thể.

Tổng số vốn pháp định của Công ty được quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 600.000.000.000 VNĐ. Sau ngày lập bảng cân đối kế toán, tổng số vốn pháp định của Công ty tăng từ 600.000.000.000 VNĐ lên 660.000.000.000 VNĐ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 1 tháng 8 năm 2007.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 liên quan đến Công ty và công ty con, Công ty TNHH Ấn Độ Dương và Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy sản Nam Việt (gọi chung là “Tập đoàn”).

Công ty Cổ phần Nam Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

Chi tiết của các công ty con được thành lập tại Việt Nam như sau:

Tên công ty con	Hoạt động chính	Giấy phép Đầu tư	Sở hữu vốn pháp định bởi Công ty	
			% sở hữu trong giấy phép của công ty con	Số tiền VND'000
Công ty TNHH Ấn Độ Dương	Chăn nuôi thủy sản, sản xuất bao bì giấy, chế biến dầu cá và bột cá, sản xuất keogentaline, glycerine và dầu bio-diesel	Số 5704000012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp ngày 26 tháng 10 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh	100%	36.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy sản Nam Việt	Hoạt động đầu tư trực tiếp, gián tiếp; đầu tư thực hiện việc sát nhập và mua lại doanh nghiệp	Số 5203000073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 2 tháng 8 năm 2007	55,4%	277.000.000

Các cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy sản Nam Việt, bao gồm Công ty, chưa góp đủ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy sản Nam Việt.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 Công ty có 4.640 nhân viên (2006: 5.393 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất trình bày bằng ngàn Đồng Việt Nam ("VND'000"), được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được áp dụng một cách nhất quán bởi Tập đoàn và nhất quán với chính sách sử dụng trong những năm trước.

Sổ sách kế toán của Tập đoàn được lập dựa theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam.

Công ty Cổ phần Nam Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

(b) Cơ sở của hợp nhất báo cáo tài chính

(i) Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Quyền kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của doanh nghiệp đó. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu quyền kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Số dư giữa các đơn vị trong cùng tập đoàn, các giao dịch nội bộ và bất kỳ lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ phải được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(c) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái quy định tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ phát sinh trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái qui định tại ngày giao dịch.

Các khoản chênh lệch tỷ giá chưa và đã thực hiện được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ trường hợp liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay quy đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động thì được hạch toán vào Tài Khoản Chênh Lệch Tỷ Giá thuộc vốn chủ sở hữu cho đến khi hoạt động kinh doanh bắt đầu và các tài sản cố định hữu hình được đưa vào sử dụng. Khi hoạt động kinh doanh bắt đầu và các tài sản cố định hữu hình được đưa vào sử dụng, chênh lệch tỷ giá đã thực hiện liên quan được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện được kết chuyển vào tài khoản Doanh thu chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện được kết chuyển vào tài khoản Chi phí Trả trước Dài Hạn. Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

(e) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Nam Việt

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

(f) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư ký quỹ ngắn hạn, các công cụ nợ và vốn chủ sở hữu của các doanh nghiệp mà Tập Đoàn không kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư như được xác định trong trường hợp chưa lập dự phòng.

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(h) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Nam Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà xưởng	5 – 25 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 10 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 7 năm

(j) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu trong các điều khoản của hợp đồng Công ty chấp nhận phần lớn tất cả các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao tài sản thuê được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê nhất quán với thời gian hữu dụng của tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 2(i)(ii).

(k) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất lâu dài

Quyền sử dụng đất lâu dài được phản ánh theo nguyên giá và không được trích khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua quyền sử dụng đất và toàn bộ các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến việc đảm bảo quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(l) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh nguyên giá của các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn toàn hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt.

(m) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

Công ty Cổ phần Nam Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

(n) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới mà có thể được ước tính một cách tin cậy và tương đối chắc chắn rằng Công ty phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo lãi suất trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

(p) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối hàng năm căn cứ vào quyết định của các cổ đông. Quỹ này được dùng để loại trừ các khoản tiền thưởng và quỹ phúc lợi phải trả cho nhân viên của Tập đoàn. Các khoản phải trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Nam Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

(q) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(r) Các khoản thanh toán về thuê hoạt động

Các khoản thanh toán về thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích xây dựng tài sản cố định hữu hình thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng được vốn hóa như một phần của nguyên giá của tài sản cố định liên quan.

(t) Các công ty liên quan

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) đối với cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, bao gồm cả trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền chọn mua cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Nam Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

(v) Báo cáo bộ phận

Là một bộ phận có thể phân biệt được của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm và dịch vụ (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm và dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Cách trình bày chủ yếu của Tập đoàn về báo cáo bộ phận dựa vào bộ phận theo khu vực địa lý.

(w) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Tiền mặt	42.594.700	14.847.528
Tiền gửi ngân hàng	223.848.225	71.068.676
Tiền và các khoản tương đương tiền	266.442.925	85.916.204

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 bao gồm trong tiền có số tiền khác VND tương đương 56.941 triệu VND (2006: 60.773 triệu).

4. Khoản phải thu – ngắn hạn

Khoản phải thu nội bộ bao gồm:

	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Phải thu từ các công ty liên quan		
Thương mại	217.996.487	126.671.637
Phí thương mại	525.773.274	59.460.000
	743.769.761	186.131.637

Công ty Cổ phần Nam Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

Các khoản phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và không có thời hạn hoàn trả ấn định, ngoại trừ 377.949 triệu VNĐ (2006: 59.460 triệu VNĐ) chịu lãi suất tháng từ 1% đến 1,2% (2006: 1%) trong năm.

Các khoản phải thu khác bao gồm:

	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Các khoản cho vay phải thu (a)	5.321.161	12.182.592
Các khoản phải thu khác	4.815.896	2.965.948
	<hr/>	<hr/>
	10.137.057	15.148.540

- a. Khoản phải thu này thể hiện các khoản cho nhân viên vay không được bảo đảm và chịu lãi suất tháng là 1% (2006: 1,5%) trong năm.

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007 VNĐ'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VNĐ'000
Số dư đầu năm	5.320.532	-
Chuyển từ công ty TNHH	-	6.493.015
Tăng dự phòng trong kỳ	3.827.335	2.661.674
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-	(3.834.157)
	<hr/>	<hr/>
Dự phòng phải thu nợ khó đòi	9.147.867	5.320.532

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 toàn bộ các khoản phải thu (2006: toàn bộ) đã được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Nam Việt

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

5. Hàng tồn kho

	2007 VND'000	2006 VND'000
Hàng mua đang đi đường	1.333.742	-
Nguyên vật liệu	7.898.246	10.504.760
Công cụ và dụng cụ	5.734.139	566.352
Sản phẩm dở dang	163.645	98.308
Thành phẩm	133.183.694	185.735.932
Hàng tồn kho	83.186.027	-
	<hr/>	<hr/>
	231.499.493	196.905.352

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ được mang sang là 120.000 triệu VNĐ (2006: không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

6. Tài sản ngắn hạn khác

	2007 VND'000	2006 VND'000
Tạm ứng	28.723.065	12.325.699
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nam Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng VNĐ'000	Thiết bị văn phòng VNĐ'000	Máy móc và thiết bị VNĐ'000	Phương tiện vận chuyển VNĐ'000	Tổng cộng VNĐ'000
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	72.708.589	2.854.035	91.699.021	11.171.348	178.432.993
Tăng trong năm	-	3.235.908	7.991.726	2.906.860	14.134.494
Chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính	-	-	24.521.477	-	24.521.477
Thanh lý	(13.585.784)	-	(1.853.977)	-	(15.439.761)
Xóa sổ	-	(35.371)	(1.902.888)	(114.500)	(2.052.759)
Phân loại lại	-	(1.128.444)	921.000	207.444	-
Số dư cuối năm	59.122.805	4.926.128	121.376.359	14.171.152	199.596.444
Khấu hao lũy kế					
Số dư đầu năm	24.460.317	1.131.427	30.785.801	2.422.370	58.651.915
Khấu hao trong năm	9.281.639	1.682.640	15.804.735	2.112.684	28.881.698
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	-	3.073.722	-	3.073.722
Thanh lý	(1.797.559)	-	(430.927)	-	(2.228.486)
Xóa sổ	-	(33.888)	(1.564.360)	(232.574)	(1.830.822)
Phân loại lại	-	(877.351)	578.574	298.777	-
Số dư cuối năm	31.944.397	1.902.828	48.099.545	4.601.257	86.548.027
Giá trị còn lại					
Số dư cuối năm	27.178.408	3.023.300	73.276.814	9.569.895	113.048.417
Số dư đầu năm	48.248.272	1.722.608	61.061.220	8.748.978	119.781.078

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình có số tài sản với nguyên giá là 18.743 triệu VNĐ đã khấu hao hết tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2007 (2006: 6.006 triệu VNĐ) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ được mang sang là 32.942 triệu VNĐ (2006: 64.832 triệu) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Nam Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VNĐ'000
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	24.503.673
Tăng trong năm	17.804
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(24.521.477)
	<hr/>
Số dư cuối năm	-
	<hr/>
Khấu hao lũy kế	
Số dư đầu năm	2.487.816
Khấu hao trong năm	585.906
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.073.722)
	<hr/>
Nguyên giá	-
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư cuối năm	-
Số dư đầu năm	22.015.857
	<hr/>

Công ty Cổ phần Nam Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài VNĐ'000	Phần mềm vi tính VNĐ'000	Tổng cộng VNĐ'000
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	11.683.972	421.045	12.105.017
Tăng trong năm	23.100	58.284	81.384
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	4.500.933	-	4.500.933
Xóa sổ	(24.037)	(330.791)	(354.828)
Số dư cuối năm	16.183.968	148.538	16.332.506
Khấu hao lũy kế			
Số dư đầu năm	-	123.320	123.320
Khấu hao trong năm	-	84.498	84.498
Xóa sổ	-	(117.918)	(117.918)
Số dư cuối năm	-	89.900	89.900
Giá trị còn lại			
Số dư cuối năm	16.183.968	58.638	16.242.606
Số dư đầu năm	11.683.972	297.725	11.981.697

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007 VNĐ'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VNĐ'000
Số dư đầu năm	5.441.673	-
Chuyển từ công ty TNHH	-	2.647.018
Tăng trong kỳ	352.572.634	2.794.655
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(4.500.933)	-
Số dư cuối năm	353.513.374	5.441.673

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 106.755 triệu VNĐ (2006: không) đã được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH Ấn Độ Dương, một công ty con. Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 chi phí vay được vốn hóa trong xây dựng cơ bản dở dang tương đương 653 triệu VNĐ (2006: bằng không).

Công ty Cổ phần Nam Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

11. Các khoản đầu tư

	2007 VND'000	2006 VND'000
Dầu tư dài hạn vào:		
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nông thôn Mỹ Xuyên	135.000.000	-
▪ Quỹ Phát triển Việt Long	20.200.000	-
▪ Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt	20.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không	3.200.000	-
Trái phiếu kho bạc dài hạn	10.000	10.000
	<hr/>	
	178.410.000	10.000
	<hr/>	

12. Tài sản và nợ thuế hoãn lại

(i) Tài sản thuế hoãn lại được ghi nhận

Tài sản thuế hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	2007 VND'000	2006 VND'000
Dự phòng	943.504	560.637
Trích trước	864.092	600.000
	<hr/>	
	1.807.596	1.160.637
	<hr/>	

Các khoản chênh lệch tạm thời khấu trừ không hết hiệu lực theo luật thuế hiện hành.

Công ty Cổ phần Nam Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

13. Vay và nợ ngắn hạn

	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Vay ngắn hạn		
Khoản vay 1 từ VCB – Chi nhánh An Giang (a)	-	35.800.000
Khoản vay 2 từ BIDV – Chi nhánh An Giang (b)	-	119.816.735
Khoản vay 3 từ Hội sở chính ACB (c)	-	10.403.640
Khoản vay 4 từ Sacombank – Tp. Hồ Chí Minh (d)	100.000.000	-
Các nguồn khác	-	485.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	17.664.000	17.664.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	3.514.386
	<hr/> 117.664.000	<hr/> 187.683.761 <hr/>

- a. Khoản vay 1 được bảo đảm bởi quyền sử dụng đất riêng của Ông Doãn Tới, Tổng Giám Đốc và cổ đông. Khoản vay này chịu lãi suất năm 10,32% (2006: 10,8%) trong kỳ.
- b. Khoản vay 2 được bảo đảm bởi tài sản cố định với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 là 26.143 triệu VNĐ, tài khoản tiền gửi tại ngân hàng BIDV – Chi nhánh An Giang, các ngân hàng khác và các tổ chức tài chính, và các khoản thu từ các hợp đồng kinh tế mà Công ty là bên thụ hưởng. Khoản vay này chịu lãi suất năm là 6,15% (2006: 6%) trong năm.
- c. Khoản vay 3 được bảo đảm bởi Ông Doãn Tới, Tổng Giám Đốc và cổ đông, Bà Dương Thị Kim Hương, Phó Tổng Giám Đốc và cổ đông, và hàng tồn kho có giá trị 120.000 triệu VNĐ. Khoản vay này chịu lãi suất năm là 6,36% (2006: 6,36%) trong năm.
- d. Khoản vay 4 được bảo đảm bởi chín triệu cổ phần trong Công ty của Ông Doãn Chí Thanh và chịu lãi suất năm là 9,72% trong năm.

Công ty Cổ phần Nam Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

14. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	2007 VND'000	2006 VND'000
Thuế		
Thuế giá trị gia tăng	2.509.486	3.035.171
Thuế xuất nhập khẩu	953.534	665.173
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.727.104	-
Thuế thu nhập cá nhân	23.750	42.587
Thuế khác	-	8.544
	26.213.874	3.751.475



15. Chi phí phải trả

	2007 VND'000	2006 VND'000
Lương tháng 13	8.640.916	6.000.000

16. Phải trả nội bộ

Các khoản phải trả nội bộ là các khoản thương mại phải trả cho các công ty liên quan.

17. Phải trả khác

Phải trả khác bao gồm:

	2007 VND'000	2006 VND'000
Mua hàng chưa nhận được hóa đơn	3.641.863	4.953.781
Bảo hiểm xã hội	526.227	481.667
Bảo hiểm y tế	78.077	67.309
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	2.450.122
Cố tức phải trả	79.200.000	-
Khoản phải trả khác	3.168.593	3.428.709
	86.614.760	11.381.588

Công ty Cổ phần Nam Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

18. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trong năm như sau:

	Trợ cấp thôi việc VNĐ'000
Số dư đầu năm	285.843
Trích lập dự phòng trong năm	90.989
Sử dụng dự phòng trong năm	(89.661)
Số dư cuối năm	287.171

Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi một nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên và tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó theo số năm làm việc của người đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được tính trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

19. Vay và nợ dài hạn

	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Vay dài hạn		
Quỹ hỗ trợ An Giang (a)	42.665.133	60.329.133
Ngân hàng An Bình (b)	74.718.670	-
Nợ thuê tài chính	-	16.791.785
	117.383.803	77.120.918
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(17.664.000)	(21.178.386)
Hoàn trả sau 12 tháng	99.719.803	55.942.532

- a. Khoản vay này được bảo đảm bởi khoản ký quỹ cố định 23.400 triệu VND (2006: 23.400 triệu VND) và tài sản có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 32.942 triệu VND (2006: 38.689 triệu VND) được thế chấp cho bên cho vay. Khoản vay này chịu lãi suất năm là 5,4% (2005: 5,4%) trong năm.

Công ty Cổ phần Nam Việt**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc****ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

- b. Khoản vay này được bảo đảm bởi tài sản cố định với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 106.755 triệu VNĐ (2006: không) được thế chấp cho bên cho vay. Khoản vay này chịu lãi suất năm là 6,73% (2006: không) trong năm. Khoản vay này liên quan đến các khoản vay của công ty con và được bảo đảm bởi hoạt động kinh doanh của Công ty.

Các khoản vay dài hạn sẽ được hoàn trả dựa vào hợp đồng vay theo lịch trình sau:

Năm hoàn trả	VNĐ'000
2008	17.664.000
2009	32.607.734
2010	22.280.867
2011	14.943.734
2012	14.943.734
2013	14.943.734
	<hr/>
	117.383.803

20. Vốn góp

Vốn cổ phần của Công ty được duyệt và đã phát hành như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2007		Ngày 31 tháng 12 năm 2006	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ'000	Số lượng cổ phiếu	VNĐ'000
Vốn cổ phần được duyệt	66.000.000	660.000.000	60.000.000	600.000.000
Cổ phiếu đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	66.000.000	660.000.000	60.000.000	600.000.000

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000VNĐ. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị treo cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.



Công ty Cổ phần Nam Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

Biến động về vốn cổ phần trong năm như sau:

	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007 VND'000		Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VND'000	
	Số lượng cổ phiếu	VND'000	Số lượng cổ phiếu	VND'000
Số dư đầu kỳ	60.000.000	600.000.000	-	-
Cổ phiếu phát hành trong kỳ	6.000.000	60.000.000	60.000.000	600.000.000
Số dư cuối kỳ	66.000.000	660.000.000	60.000.000	600.000.000

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007 VND'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VND'000
Lãi tiền gửi		
▪ Các bên liên quan	43.833.515	-
▪ Các ngân hàng	8.132.763	57.919
▪ Các bên khác	3.195.264	2.461.038
Lãi chênh lệch tỷ giá	9.607.928	2.643.380
	64.769.470	5.162.337

22. Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007 VND'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VND'000
Chi phí lãi vay phải trả cho		
▪ Các bên liên quan	11.360.600	-
▪ Các ngân hàng	10.435.166	4.229.938
▪ Các bên khác	738.992	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	18.983.708	1.557.244
	41.518.466	5.787.182

Công ty Cổ phần Nam Việt

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

23. Thu nhập khác

	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007 VNĐ'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VNĐ'000
Thu từ thanh lý tài sản cố định	13.983.173	46.720.780
Các khoản khác	7.151.122	1.707.428
	21.134.295	48.428.208

24. Chi phí khác

	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007 VNĐ'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VNĐ'000
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình được thanh lý và xóa sổ	13.646.084	45.159.973
Chi phí khác	3.001.308	34.115
	16.647.392	45.194.088

Công ty Cổ phần Nam Việt

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

25. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007 VND'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VND'000
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện tại	39.989.459	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	6.888.559	-
	<hr/>	
	46.878.018	-
	<hr/>	
Chi phí/(thu nhập) thuế hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(646.959)	(1.160.637)
	<hr/>	
Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp	46.231.059	(1.160.637)
	<hr/>	

Công ty Cổ phần Nam Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

		Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007 VNĐ'000		Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VNĐ'000
Lợi nhuận trước thuế		416.572.003		128.857.227
Thuế theo thuế suất thuế TNDN	20,0%	83.314.401	20,0%	25.771.445
Thu nhập nội bộ chịu thuế	0,4%	1.666.171	-	-
Thu nhập không chịu thuế	(0,1%)	(532.178)	-	-
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận trong những năm trước	-	-	(1,0%)	(1.291.490)
Ảnh hưởng của việc miễn thuế	(10,8%)	(45.105.894)	(20,0%)	(25.640.592)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1,7%	6.888.559	-	-
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN	11,2%	46.231.059	(1,0%)	(1.160.637)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 70/CN.UN do Ủy ban Nhân Dân tỉnh An Giang cấp ngày 11 tháng 5 năm 2000 và Công Văn số 2657/CT.TTr2 do Cục Thuế tỉnh An Giang cấp ngày 28 tháng 11 năm 2006, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế TNDN bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế và được miễn thuế TNDN trong năm 2002 và được giảm 50% thuế suất thuế TNDN kể từ năm 2003 đến 2006.

Công ty cũng được giảm 50% thuế TNDN trên các phần lợi nhuận từ doanh thu xuất khẩu nếu doanh thu xuất khẩu vượt năm trước.

Hơn nữa, Công ty cũng nhận được hưởng các ưu đãi thuế từ hoạt động tái đầu tư như sau:

Giấy phép chứng nhận ưu đãi đầu tư	Thuế ưu đãi
Quyết định 125/CN.UB ngày 25/7/2002	Miễn thuế TNDN trong năm 2003 và giảm 50% từ năm 2004 đến 2007 dựa trên lợi nhuận thu từ đầu tư mới
Quyết định 51/CN.UB ngày 29/8/2003	Miễn thuế TNDN trong năm 2004 và giảm 50% từ năm 2005 đến 2008 dựa trên lợi nhuận thu từ đầu tư mới
Quyết định 70/CN.UB ngày 16/8/2004	Miễn thuế TNDN trong năm 2005 và giảm 50% từ năm 2006 đến 2009 dựa trên lợi nhuận thu từ đầu tư mới

Công ty Cổ phần Nam Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

26. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 được dựa trên số lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông của Công ty là 370.341 triệu VND (2006: 130.018 triệu VND) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 62.219.178 (2006: 60.000.000), được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông phổ thông

	2007 VND'000	2006 VND'000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	370.340.944	130.017.864
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông phổ thông	370.340.944	130.017.864

(ii) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành

	2007	2006
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	60.000.000	60.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu được phát hành vào ngày 18 tháng 8 năm 2007	2.219.178	-
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	62.219.178	60.000.000

Công ty Cổ phần Nam Việt

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006
			VND'000	VND'000
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty liên quan	Bán thành phẩm, phụ phẩm	102.030.176	-
		Bán bao bì mua ngoài, cá nguyên liệu	152.803.797	-
		Cho công ty liên quan vay	1.503.179.077	5.000.000
		Thu lãi tiền gửi	41.694.215	-
		Mua sản phẩm chế biến	967.178.082	29.897.243
Công ty TNHH Thanh Thiên	Công ty liên quan	Cho công ty liên quan vay	24.000.000	-
		Bán thành phẩm	95.290.412	-
		Thu lãi tiền gửi	448.000	-
Dương Thị Kim Hương	Cổ đông	Các khoản vay	251.500.000	-
		Thanh lý tài sản cố định	11.345.333	-
Doãn Chí Thanh	Cổ đông	Cho cổ đông vay	74.200.000	-
		Thu lãi tiền gửi	1.691.300	-

28. Các cam kết**(a) Chi tiêu vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 Công ty có các cam kết chi tiêu vốn đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trên bảng cân đối kế toán như sau:

	2007 VND'000	2006 VND'000
Được duyệt và đã ký hợp đồng	38.101.525	5.727.335

Công ty Cổ phần Nam Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007 VNĐ'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VNĐ'000
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	1.276.041.339	605.334.168
Chi phí nhân công và nhân viên	87.218.036	28.391.554
Chi phí khấu hao và phân bổ	29.552.102	7.896.509
Chi phí dịch vụ mua ngoài	332.830.653	133.227.336
Các chi phí khác	77.840.276	5.046.199

Công ty Cổ phần Nam Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

30. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận phải được lập và trình bày phù hợp với bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý của Tập đoàn. Báo cáo bộ phận chính yếu, theo khu vực địa lý, dựa trên hệ thống báo cáo nội bộ và quản lý của Tập đoàn.

Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp đến một bộ phận cũng như được phân bổ trên theo một nguyên tắc hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản và nợ, doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, các khoản lỗ và lãi khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

(a) Bộ phận theo khu vực địa lý

Trong việc trình bày các thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận được phân chia dựa vào khu vực địa lý của khách hàng trong đó bao gồm khách hàng tại Việt Nam ("Nội địa") hoặc khách hàng ở các nước khác ("Xuất khẩu").

	Xuất khẩu		Nội địa		Hợp nhất	
	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006
Tổng doanh thu	2.550.635.689	699.346.787	649.716.402	219.399.858	3.200.352.091	918.746.645
Các khoản giảm trừ doanh thu	(6.032.213)	(3.376.640)	(882.612)	(9.226.287)	(6.914.825)	(12.602.927)
Doanh thu thuần	2.544.603.476	695.970.147	648.833.790	210.173.571	3.193.437.266	906.143.718
Giá vốn hàng bán	(2.005.972.121)	(556.033.284)	(477.003.982)	(137.067.420)	(2.482.976.103)	(693.100.704)
Lợi nhuận gộp	538.631.355	139.936.863	171.829.808	73.106.151	710.461.163	213.043.014

Công ty Cổ phần Nam Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

(b) Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn bao gồm những bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh chính sau: sản xuất và bán các sản phẩm cá và bao bì ("Sản xuất"), và mua và bán các sản phẩm cá ("Thương mại").

	Sản xuất		Thương mại		Hợp nhất	
	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007 VNĐ'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VNĐ'000	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007 VNĐ'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VNĐ'000	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007 VNĐ'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VNĐ'000
Tổng doanh thu	2.145.334.993	918.746.645	1.055.017.098	-	3.200.352.091	918.746.645
Các khoản giảm trừ doanh thu	(5.619.697)	(12.602.927)	(1.295.128)	-	(6.914.825)	(12.602.927)
Doanh thu thuần	2.139.715.296	906.143.718	1.053.721.970	-	3.193.437.266	906.143.718
Giá vốn hàng bán	(1.571.603.220)	(693.100.704)	(911.372.883)	-	(2.482.976.103)	(693.100.704)
Lợi nhuận gộp	568.112.076	213.043.014	142.349.087	-	710.461.163	213.043.014

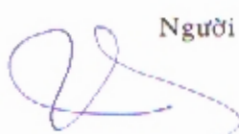



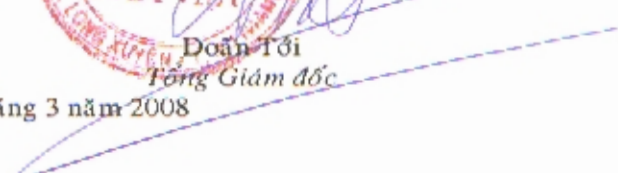
Công ty Cổ phần Nam Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày

31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

31. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của kỳ trước là cho giai đoạn từ ngày thành lập Công ty 2 tháng 10 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2006.

 Người lập:	 Người duyệt:
 Doãn Văn Nho Kế toán trưởng	 Doãn Tới Tổng Giám đốc
 Ngày 31 tháng 3 năm 2008	

Công ty Cổ phần Nam Việt
Báo cáo quản trị (không kiểm toán)

Một vài số liệu so sánh trong bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Nam Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh liên quan cho giai đoạn từ ngày 2 tháng 10 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2006 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện tại và các lỗi điều chỉnh của kỳ trước như sau:

Bảng cân đối kế toán	31/12/2006 (đã trình bày trước đây) VNĐ'000	Phân loại lại VNĐ'000	Điều chỉnh VNĐ'000	31/12/2006 (trình bày lại) VNĐ'000
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	846.440.861	70.826.299	1.317.935	918.585.095
Tiền và các khoản tương đương tiền	85.386.137	-	-	85.386.137
Tiền	85.386.137	-	-	85.386.137
Các khoản phải thu - ngắn hạn	553.141.608	70.826.299	-	623.967.907
Phải thu – thương mại	547.732.984	(127.431.534)	-	420.301.450
Trả trước cho người bán	8.623.105	(916.293)	-	7.706.812
Phải thu nội bộ	-	186.131.637	-	186.131.637
Các khoản phải thu khác	2.106.051	13.042.489	-	15.148.540
Dự phòng phải thu nợ khó đòi	(5.320.532)	-	-	(5.320.532)
Hàng tồn kho	195.587.417	-	1.317.935	196.905.352
Hàng tồn kho	195.587.417	-	1.317.935	196.905.352
Dự phòng hàng tồn kho	-	-	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	12.325.699	-	-	12.325.699
Tài sản ngắn hạn khác	12.325.699	-	-	12.325.699
Tài sản dài hạn	256.571.681	(70.796.299)	1.160.637	186.936.019
Tài sản cố định	158.221.661	946.293	-	159.167.954
Tài sản cố định hữu hình	114.696.434	5.084.644	-	119.781.078
Nguyên giá	172.525.084	5.907.909	-	178.432.993
Khấu hao lũy kế	(57.828.650)	(823.265)	-	(58.651.915)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	22.015.857	-	-	22.015.857
Nguyên giá	24.503.673	-	-	24.503.673
Khấu hao lũy kế	(2.487.816)	-	-	(2.487.816)
Tài sản cố định vô hình	12.414.346	(432.649)	-	11.981.697
Nguyên giá	16.620.588	(4.515.571)	-	12.105.017
Phần bổ lũy kế	(4.206.242)	4.082.922	-	(123.320)
Chi phí xây dựng cơ bản dở	9.095.024	(3.705.702)	-	5.389.322

Công ty Cổ phần Nam Việt
Báo cáo quản trị (không kiểm toán) (tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán	31/12/2006 (đã trình bày trước đây) VNĐ'000	Phân loại lại VNĐ'000	Điều chỉnh VNĐ'000	31/12/2006 (trình bày lại) VNĐ'000
dang				
Đầu tư dài hạn	73.797.336	(71.742.592)	-	2.054.744
Đầu tư dài hạn khác	73.797.336	(71.742.592)	-	2.054.744
Tài sản dài hạn khác	24.552.684	-	1.160.637	25.713.321
Tài sản thuế hoãn lại	-	-	1.160.637	1.160.637
Tài sản dài hạn khác	24.552.684	-	-	24.552.684
TỔNG TÀI SẢN	1.103.012.542	30.000	2.478.572	1.105.521.114
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	377.653.287	236.182	(2.285.741)	375.603.728
Nợ ngắn hạn	321.424.912	236.182	(2.285.741)	319.375.353
Vay và nợ ngắn hạn	187.683.761	-	-	187.683.761
Khoản phải trả thương mại	99.428.056	(10.296.049)	1.317.935	90.449.942
Tạm ứng từ khách hàng	2.556.502	-	-	2.556.502
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	7.355.151	-	(3.603.676)	3.751.475
Phải trả nhân viên	7.226.036	-	-	7.226.036
Chi phí trích trước	6.000.000	-	-	6.000.000
Phải trả nội bộ	-	10.326.049	-	10.326.049
Phải trả khác	11.175.406	206.182	-	11.381.588
Vay và nợ dài hạn	56.228.375	-	-	56.228.375
Vay và nợ dài hạn	55.942.532	-	-	55.942.532
Dự phòng trợ cấp thôi việc	285.843	-	-	285.843
VỐN CHỦ SỞ HỮU	725.359.255	(206.182)	4.764.313	729.917.386
Vốn chủ sở hữu	724.969.733	(206.182)	4.764.313	729.527.864
Vốn cổ phần	600.206.182	(206.182)	-	600.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	124.763.551	-	4.764.313	129.527.864
Quỹ khác	389.522	-	-	389.522
Quỹ khen thưởng phúc lợi	389.522	-	-	389.522
TỔNG NGUỒN VỐN	1.103.012.542	30.000	2.478.572	1.105.521.114

Công ty Cổ phần Nam Việt
Báo cáo quản trị (không kiểm toán) (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 (đã trình bày trước đây) VNĐ'000	Phân loại lại VNĐ'000	Điều chỉnh VNĐ'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 (trình bày lại) VNĐ'000
Tổng doanh thu	918.746.645	-	-	918.746.645
Các khoản giảm trừ doanh thu	(12.602.927)	-	-	(12.602.927)
Doanh thu thuần	906.143.718	-	-	906.143.718
Giá vốn hàng bán	(693.100.704)	-	-	(693.100.704)
Lợi nhuận gộp	213.043.014	-	-	213.043.014
Doanh thu hoạt động tài chính	5.162.337	-	-	5.162.337
Chi phí hoạt động tài chính	(5.787.182)	-	-	(5.787.182)
Chi phí bán hàng	(76.759.581)	-	-	(76.759.581)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(10.035.481)	-	-	(10.035.481)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	125.623.107	-	-	125.623.107
Kết quả của các hoạt động khác				
Thu nhập khác	48.238.208	-	190.000	48.428.208
Chi phí khác	(45.194.088)	-	-	(45.194.088)
Lợi nhuận trước thuế	128.667.227	-	190.000	128.857.227
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	(3.603.676)	-	3.603.676	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại	-	-	1.160.637	1.160.637
Lợi nhuận thuần sau thuế	125.063.551	-	4.954.313	130.017.864

Công ty Cổ phần Nam Việt
Báo cáo quản trị (không kiểm toán) (tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty Cổ phần Nam Việt và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất liên quan cho giai đoạn từ ngày 2 tháng 10 năm 2006 đến ngày 31 tháng 10 năm 2006 được lập như sau:

Bảng cân đối kế toán	Công ty VNĐ'000	Công ty con VNĐ'000	Điều chỉnh hợp nhất VNĐ'000	Tập đoàn VNĐ'000
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	918.585.095	1.992.091	-	920.577.186
Tiền và các khoản tương đương tiền	85.386.137	530.067	-	85.916.204
Tiền	85.386.137	530.067	-	85.916.204
Các khoản phải thu - ngắn hạn	623.967.907	1.461.351	-	625.429.258
Phải thu – thương mại	420.301.450	-	-	420.301.450
Trả trước cho người bán	7.706.812	1.461.351	-	9.168.163
Phải thu nội bộ	186.131.637	-	-	186.131.637
Các khoản phải thu khác	15.148.540	-	-	15.148.540
Dự phòng phải thu nợ khó đòi	(5.320.532)	-	-	(5.320.532)
Hàng tồn kho	196.905.352	-	-	196.905.352
Hàng tồn kho	196.905.352	-	-	196.905.352
Dự phòng hàng tồn kho	-	-	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	12.325.699	673	-	12.326.372
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	673	-	673
Tài sản ngắn hạn khác	12.325.699	-	-	12.325.699
Tài sản dài hạn	186.936.019	52.653	(2.044.744)	184.943.928
Tài sản cố định	159.167.954	52.351	-	159.220.305
Tài sản cố định hữu hình	119.781.078	-	-	119.781.078
Nguyên giá	178.432.993	-	-	178.432.993
Khấu hao lũy kế	(58.651.915)	-	-	(58.651.915)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	22.015.857	-	-	22.015.857
Nguyên giá	24.503.673	-	-	24.503.673
Khấu hao lũy kế	(2.487.816)	-	-	(2.487.816)
Tài sản cố định vô hình	11.981.697	-	-	11.981.697
Nguyên giá	12.105.017	-	-	12.105.017
Phân bổ lũy kế	(123.320)	-	-	(123.320)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.389.322	52.351	-	5.441.673

Công ty Cổ phần Nam Việt
Báo cáo quản trị (không kiểm toán) (tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán	Công ty VNĐ'000	Công ty con VNĐ'000	Điều chỉnh hợp nhất VNĐ'000	Tập đoàn VNĐ'000
Đầu tư dài hạn	2.054.744	-	(2.044.744)	10.000
Đầu tư dài hạn khác	2.054.744	-	(2.044.744)	10.000
Tài sản dài hạn khác	25.713.321	302	-	25.713.623
Tài sản thuế hoãn lại	1.160.637	-	-	1.160.637
Tài sản dài hạn khác	24.552.684	302	-	24.552.986
TỔNG TÀI SẢN	1.105.521.114	2.044.744	(2.044.744)	1.105.521.114
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	375.603.728	-	-	375.603.728
Nợ ngắn hạn	319.375.353	-	-	319.375.353
Vay và nợ ngắn hạn	187.683.761	-	-	187.683.761
Phải trả – thương mại	90.449.942	-	-	90.449.942
Tạm ứng từ khách hàng	2.556.502	-	-	2.556.502
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	3.751.475	-	-	3.751.475
Phải trả công nhân viên	7.226.036	-	-	7.226.036
Chi phí trích trước	6.000.000	-	-	6.000.000
Phải trả nội bộ	10.326.049	-	-	10.326.049
Phải trả khác	11.381.588	-	-	11.381.588
Vay và nợ dài hạn	56.228.375	-	-	56.228.375
Vay và nợ dài hạn	55.942.532	-	-	55.942.532
Dự phòng trợ cấp thôi việc	285.843	-	-	285.843
VỐN CHỦ SỞ HỮU	729.917.386	2.044.744	(2.044.744)	729.917.386
Vốn chủ sở hữu	729.527.864	2.044.744	(2.044.744)	729.527.864
Vốn cổ phần	600.000.000	2.044.744	(2.044.744)	600.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	129.527.864	-	-	129.527.864
Quỹ khác	389.522	-	-	389.522
Quỹ khen thưởng phúc lợi	389.522	-	-	389.522
TỔNG NGUỒN VỐN	1.105.521.114	2.044.744	(2.044.744)	1.105.521.114

Công ty Cổ phần Nam Việt
Báo cáo quản trị (không kiểm toán) (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Công ty VNĐ'000	Công ty con VNĐ'000	Điều chỉnh hợp nhất VNĐ'000	Tập đoàn VNĐ'000
Tổng doanh thu	918.746.645	-	-	918.746.645
Các khoản giảm trừ doanh thu	(12.602.927)	-	-	(12.602.927)
Doanh thu thuần	906.143.718	-	-	906.143.718
Giá vốn hàng bán	(693.100.704)	-	-	(693.100.704)
Lợi nhuận gộp	213.043.014	-	-	213.043.014
Doanh thu hoạt động tài chính	5.162.337	-	-	5.162.337
Chi phí hoạt động tài chính	(5.787.182)	-	-	(5.787.182)
Chi phí bán hàng	(76.759.581)	-	-	(76.759.581)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(10.035.481)	-	-	(10.035.481)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	125.623.107	-	-	125.623.107
Kết quả của các hoạt động khác				
Thu nhập khác	48.428.208	-	-	48.428.208
Chi phí khác	(45.194.088)	-	-	(45.194.088)
Lợi nhuận trước thuế	128.857.227	-	-	128.857.227
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại	1.160.637	-	-	1.160.637
Lợi nhuận thuần sau thuế	130.017.864	-	-	130.017.864